

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày: 16 - 4 - 2024

“V/v TrTrần A chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DTRẦN A**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tây Nguyên

Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thanh Thanh - Thư ký Tòa án huyện  
Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị  
Bích Nga – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 316/2023/TLST-DS ngày  
06/10/2023 về việc “TrTrần A chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa  
vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐST-DS, ngày 05/3/2024 và Quyết định hoãn  
phiên tòa số 14/2024/QĐ – HPT, ngày 21/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn 01, xã C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; (có mặt).

Bị đơn: Bà **Trần A** – sinh năm 1966

Địa chỉ: thôn 03, xã C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị  
T trình bày:

Bà Trần A biết bà cho vay tiền nên bà Trần A gọi điện hỏi vay tiền có  
giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó bà có đến nhà bà Trần A để  
xem nhà và cho bà Trần A vay tiền.

Ngày 03/8/2022 âm lịch bà Trần A có vay của bà số tiền 20.000.000 đồng,  
lãi suất vay 5%/ tháng, thời hạn vay là 6 tháng sẽ trả gốc, hàng tháng sẽ trả lãi  
vào ngày 03, mục đích vay là để buôn bán.

Ngày 23/11/2022 âm lịch bà Trần A vay thêm 10.000.000 đồng, lãi suất

vay 5%/ tháng, thời hạn vay là 6 tháng, thời gian trả lãi là ngày 23 hàng tháng.

Để đảm bảo khoản vay trên bà Trần A có giao cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 529384, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02984, thửa đất số 184, tờ bản đồ số 83, diện tích 148,1m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xóm 23, xã C do UBND huyện Tuy Phong cấp ngày 24/3/2021. Bà Trần A có ký tên vào 02 giấy nhận tiền.

Sau khi vay xong bà Trần A trả lãi cho bà đầy đủ, đến ngày 03/4/2023 thì bà Trần A ngưng không thanh toán lãi nữa và cũng không chịu trả gốc cho bà.

Nay bà yêu cầu bà Trần A phải trả cho bà số tiền gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Trần A giao cho bà thì bà không yêu cầu Tòa xử lý.

Đối với bị đơn bà Trần A, sau khi Tòa án thụ lý vụ án ngày 06/10/2023, qua xác minh tại thôn 03, xã C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận thì bà Trần A có mặt ở địa phương, do đó Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của bà Trần A bằng hình thức tổng đạt trực tiếp nhưng bà Trần A từ chối nhận văn bản. Ngày 07 tháng 12 năm 2023 Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 19 tháng 01 năm 2024 Tòa án tiến hành tổng đạt trực tiếp thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Thông báo về phiên hòa giải nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của bị đơn: bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Tòa án đã tổng đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bà Trần A vắng mặt không có lý do tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa ngày 21/3/2024, tại phiên tòa hôm nay bà Trần A tiếp tục vắng mặt không có lý do nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần A là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Trần A phải trả cho bà Nguyễn Thị T số nợ gốc 22.254.794 đồng và tiền lãi 5.986.476 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần A có nơi cư trú tại thôn 03, xã C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần A trả tiền nợ vay nên xác định đây là vụ kiện “Trần A chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng cho bị đơn, bị đơn bà Trần A vắng mặt tại phiên tòa ngày 21/3/2024, tại phiên tòa hôm nay bà Trần A tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn bà Trần A theo quy định của pháp luật đồng thời căn cứ trên cơ sở các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xét xử.

[2] Về nội dung vụ án: Tại Tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Trần A phải trả số tiền gốc 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn bà Trần A không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh nếu không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Trên cơ sở các chứng cứ mà bên nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cung cấp như sau: 01 giấy biên nhận tiền ngày 03/8/2022, 01 giấy biên nhận tiền ngày 23/11/2022 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY529384.

Xét thấy nội dung và hình thức của 02 giấy biên nhận tiền là phù hợp với quy định, có chữ ký bà Trần A và có thể hiện nội dung “có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 529384”.

Như vậy bà Nguyễn Thị T có cho bà Trần A vay số tiền 30.000.000 đồng. Nhưng khi đến thời hạn trả nợ bà Trần A không thực hiện việc thanh toán nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Trần A phải hoàn trả số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị T khai thời hạn vay là 06 tháng và lãi suất hai

bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 5%/ tháng, bà Trần A đã trả lãi đầy đủ cho bà đến ngày 03/4/2023 thì ngưng, do đó cần phải điều chỉnh lại lãi suất mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn trước đó.

-Khoản vay 20.000.000 đồng (từ ngày 03/8/2022 âm lịch đến 03/4/2023 âm lịch) x 5% = 9.000.000 đồng.

Khoản vay 20.000.000 đồng (từ ngày 03/8/2022 âm lịch đến 03/4/2023 âm lịch) x 20%/12 = 3.000.000 đồng.

Tiền lãi trả dư: 9.000.000 đồng – 3.000.000 đồng = 6.000.000 đồng

Số tiền gốc còn lại: 20.000.000 đồng – 6.000.000 = 14.000.000 đồng.

Số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 04/4/2023 âm lịch đến ngày xét xử: 14.000.000 đồng x 150% x 20% = 3.797.260 đồng.

-Khoản vay 10.000.000 đồng (từ ngày 23/11/2022 âm lịch đến 03/4/2023 âm lịch) x 5% = 2.600.000 đồng.

Khoản vay 10.000.000 đồng (từ ngày 23/11/2022 âm lịch đến 03/4/2023 âm lịch) x 20%/12 = 854.794 đồng.

Tiền lãi trả dư: 2.600.000 đồng – 854.794 đồng = 1.745.206 đồng

Số tiền gốc còn lại: 10.000.000 đồng – 1.745.206 = 8.254.794 đồng.

Số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ ngày 04/4/2023 âm lịch đến ngày 23/4/2023 âm lịch: 8.254.794 đồng x 20%/12 = 85.940 đồng.

Số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 24/4/2023 âm lịch đến ngày xét xử: 8.254.794 đồng x 150% x 20%/12 = 2.103.276 đồng.

Như vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T là buộc bà Trần A phải trả tiền nợ gốc 22.254.794 đồng, lãi tính đến ngày 16/4/2024 là 5.986.476 đồng, tổng cộng là 28.241.270 đồng.

[3] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Trần A, do bà Nguyễn Thị T không yêu cầu xử lý nên không xem xét giải quyết.

[4] Về phần án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357; 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Trần A.

2. Buộc bà Trần A phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc 22.254.794 đồng, lãi tính đến ngày 16/4/2024 là 5.986.476 đồng, tổng cộng là 28.241.270 đồng (**Hai mươi tám triệu hai Nguyễn Thị T bốn mươi một ngàn hai Nguyễn Thị T bảy mươi đồng**). Kể từ ngày 17/4/2024 cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Trần A chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Trần A phải nộp **1.412.063 đồng** án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền **900.000 đồng** tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0017391 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND Tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**Lâm Thị Mỹ Kỳ**